TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRẢNG BÀNG** **TỈNH TÂY NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 43/2019/HNGĐ-ST.
Ngày 12-6-2019.
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẢNG BÀNG, TỈNH TÂY NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Ngọc Đững.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Ngô Minh Lý;

Bà Dương Thị Mỹ Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Văn Hảnh là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Thướng - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 6 năm 2019 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 273/2019/TLST-HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2019 về "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"; theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 52/2019/QĐXX-ST ngày 29 tháng 5 năm 2019; giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị Ngô Thị N, sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp A, xã T, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

- *Bị đơn:* Anh Ngô Văn T, sinh năm 1974.

Địa chỉ: Ấp C, xã H, huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh.

(Chị N, anh T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và quá trình tham gia tố tụng tại Tòa án nguyên đơn chị Ngô Thị N trình bày:

Chị và anh T chung sống với nhau vào năm 1999, có tổ chức lễ cưới, không đăng ký kết hôn. Vợ chồng sống chung nhà với cha, mẹ anh T tại ấp C, xã H. Cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn nguyên nhân là do vợ chồng không

hợp tính nhau, bất đồng quan điểm trong cuộc sống và không thông cảm cho nhau. Vợ chồng tự sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Khi ly thân, chị về nhà cha mẹ chị tại ấp A, xã T, huyện Trảng Bàng sống, anh T vẫn sống tại nhà cha, mẹ của anh T. Nay chị yêu cầu ly hôn anh T.

Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung là cháu Ngô Thanh N1, sinh ngày 17-8-2000 và cháu Ngô Thanh D, sinh ngày 11-3-2002, hiện tại hai cháu đang sống với chị.

Khi ly hôn, chị yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con. Cháu N1 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Theo lời khai của bị đơn anh Ngô Văn T thể hiện trong quá trình giải quyết vụ án:

Nhận thấy anh T thừa nhận thời gian chung sống với chị N, không đăng ký kết hôn, thời gian ly thân, con chung như chị N trình bày là đúng. Vợ chồng xảy ra mâu thuẫn là do tình cảm vợ chồng không còn hạnh phúc, có nhiều mâu thuẫn trong cuộc sống. Nay anh đồng ý ly hôn chị N.

Về con chung: Anh đồng ý để chị N tiếp tục nuôi cháu Ngô Thanh D, sinh ngày 11-3-2002. Anh không cấp dưỡng nuôi con. Cháu N1 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không yêu cầu giải quyết việc nuôi dưỡng.

Về tài sản chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không có, không yêu cầu giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa, người tham gia tố tụng thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 14, 53, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 xem xét, quyết định:

Không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị N và anh Ngô Văn T.

Về con chung: Cháu Ngô Thanh N1, sinh ngày 17-8-2000 đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng chăm sóc cháu Ngô Thanh D, sinh ngày 11-3-2002. Ghi nhận chị N không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên toà, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, xét thấy:

[1] Về tố tụng: Chị N và anh T vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị N và anh T chung sống với nhau vào năm 1999, không đăng ký kết hôn. Anh, chị nhiều lần xảy ra mâu thuẫn và tự sống ly thân từ năm 2002 đến nay. Nay chị N yêu cầu ly hôn và anh T cũng đồng ý ly hôn. Kết quả xác minh tại địa phương thể hiện chị N và anh T không đăng ký kết hôn. Vì vậy, Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị N và anh T.

[3] Về con chung: Cháu Ngô Thanh N1, sinh ngày 17-8-2000 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Chị N đang nuôi dưỡng cháu Ngô Thanh D, sinh ngày 11-3-2002. Cháu D có nguyện vọng theo sống với chị N. Mặt khác, chị N và anh T thỏa thuận giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu D, anh T không cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, sự thỏa thuận của chị N và anh T là phù hợp với nguyện vọng của cháu D. Vì vậy, Hội đồng xét xử có cơ sở giao chị N tiếp tục nuôi dưỡng cháu D là phù hợp với quy định tại Điều 81 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết nên không đặt ra giải quyết.

[5] Như phân tích trên thì đề nghị của đại diện Viện kiểm sát về quan điểm giải quyết vụ án là có cơ sở chấp nhận.

[6] Án phí: Chị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 đồng theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 53, Điều 14, 81, 82 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

1. Tuyên bố không công nhận quan hệ vợ chồng giữa chị Ngô Thị N và anh Ngô Văn T.

2. Về con chung:

Cháu Ngô Thanh N1, sinh ngày 17-8-2000 đã trưởng thành và tự lao động sinh sống được nên không đặt ra giải quyết việc nuôi dưỡng.

Giao chị Ngô Thị N tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu Ngô Thanh D, sinh ngày 11-3-2002. Ghi nhận chị N không yêu cầu anh T cấp dưỡng nuôi con.

Anh T có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung, nợ chung: Không đặt ra giải quyết.

4. Án phí: Chị Ngô Thị N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về việc ly hôn là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0017062 ngày 16 tháng 4 năm 2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Trảng Bàng, tỉnh Tây Ninh; chị N đã nộp đủ án phí dân sự sơ thẩm.

5. Báo cho chị N, anh T biết có quyền kháng cáo lên Toà án nhân dân tỉnh Tây Ninh trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND huyện Trảng Bàng;
- Chi cục THADS huyện Trảng Bàng;
- Lưu: Án văn, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký và đóng dấu)

Lê Ngọc Đững